

Bản án số: 02/2017/DSST

Ngày 22/6/2017

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân;

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2015/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2015, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là UBND huyện B), địa chỉ: 268 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung T- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi: Ông Hà Vĩnh P, Luật sư Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, trú tại: Số 399 đường L, Phường N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi-là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch UBND huyện B).

2. Bị đơn:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (Viết tắt là Công ty H), địa chỉ: Khu dân cư số 4B, số 4 đường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H: Ông Bùi Phú T, trú tại: Số 38/8 đường N, Phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty H).

- Ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A (Viết tắt là Xí nghiệp A), địa chỉ: số 15A, đường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B (viết tắt là BQL), địa chỉ: Số 179 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật: Ông Thành Minh T- Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B.*

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Bà Dương Thị Kim N- Thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, địa chỉ: Tổ 9, phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Kim N: Ông Bùi Phú T, trú tại: Số 38/8 đường N, Phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2014 của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hà Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/12/2009, Chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện B (viết tắt UBND huyện B) ủy quyền cho Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện B (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B) (viết tắt BQL) đại diện ký Hợp đồng số 17/2009/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu số 8 từ Km4+00 – Km8 +00 với liên danh nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (viết tắt là Công ty H) và Xí nghiệp xây dựng A (viết tắt là Xí nghiệp A), dự án đường B- B. Tổng giá trị hợp đồng là 6.060.046.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*). Ngày 24/10/ 2010 hai bên ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh giảm 13.113.000 đồng, giá trị hợp đồng còn lại

6.046.933.000đ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 29/12/2009 BQL đã tạm ứng cho bên liên danh nhà thầu (đơn vị thi công) số tiền 4.242.032.000đồng, tương ứng với 70% giá trị hợp đồng. Quá trình thi công ngày 19/01/2011 BQL và nhà thầu Công ty H đã nghiệm thu phần khối lượng hoàn thành (*Thi công trong năm 2010*) và lập hồ sơ thanh toán số tiền là 731.695.000đồng. Trong đó thu hồi tạm ứng theo quy định với số tiền 512.187.000đồng và thanh toán tiếp cho đơn vị số tiền là 219.508.000đồng.

Theo cam kết trong Hợp đồng ngày khởi công là ngày 31/12/2009, hoàn thành xong vào ngày 20/12/2010 nghiệm thu đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày 20/12/2010 Liên danh Nhà thầu chưa hoàn thành công trình. Ngày 22/3/2011 BQL trực tiếp làm việc với Công ty H, bên Liên danh Nhà thầu thống nhất xin gia hạn và cam kết tiếp tục thi công xây dựng đến ngày 30/7/2011 sẽ hoàn thành toàn bộ công trình, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Mặc dù Liên danh Nhà thầu cam kết, nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong thời gian gia hạn. BQL nhiều lần đốc thúc, nhắc nhở, nhưng phía Liên danh Nhà thầu vẫn không thực hiện, đến nay Liên danh Nhà thầu đã dừng thi công, bỏ dở công trình, làm ảnh hưởng lớn đến giao lưu đi lại của nhân dân trong vùng, nhân dân không đồng tình; Toàn bộ gói thầu số 08 Dự án Đường B – B tại HĐ số 17 đến nay chưa hoàn thành, bỏ dở dang, vì an sinh xã hội của nhân dân, vì an ninh quốc phòng, UBND huyện B phải tìm mọi cách để làm lại cho xong công trình này. Tại cuộc họp ngày 17/8/2014 đơn vị thi công cam kết: từ đầu tháng 8 đến hết tháng 10 năm 2014, mỗi tháng Nhà thầu thi công hoàn thành 1km (3km) đường từ km 4 đến km 8 và đưa vào sử dụng, đến hết tháng 12/2014 sẽ hoàn thành toàn bộ công trình và đưa vào sử dụng.

Sau khi đã lập kế hoạch và cam kết thực hiện, Nhà thầu không thực hiện đúng cam kết, UBND huyện B liên tục kiểm tra đôn đốc nhưng Nhà thầu không tập trung năng lực để thi công. Sau 2 tháng thực hiện cam kết Nhà thầu chỉ thi công được 105m của một nửa mặt đường, nhưng chất lượng không bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế, không đúng với các điều cam kết tại Hợp đồng số 17. Do vậy, UBND huyện B quyết định dừng việc thi công của Nhà thầu và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tư tiếp tục giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Đồng thời, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 về việc chấm dứt Hợp đồng số 17/2009/HĐ-XD ngày 29/12/2009 về việc thi công xây dựng gói thầu số 08 Dự án Đường B – B, huyện B và ban hành Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 về việc chỉ định nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn V thi công phần khối lượng

còn lại của gói thầu số 08 Dự án Đường B – B, huyện B, ngày 04 tháng 11 năm 2014 BQL đại diện cho Chủ đầu tư ký Hợp đồng số 25/2014/HĐXD với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V để thi công phần khối lượng còn lại của Hợp đồng số 17/2009/HĐ-XD ngày 29/12/2009 có giá trị 1.597.957.281đồng (làm tròn 1.597.957.000đồng), hiện nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn V đã thi công xong phần khối lượng này.

Sau khi ngừng thi công cho đến nay, số tiền nhận tạm ứng còn lại 3.729.845.000 đồng Liên danh Nhà thầu đã chiếm dụng không trả lại cho UBND huyện B. Hiện nay giá cả vật tư, nhân công biến động tăng theo thị trường. Theo dự toán thiết kế đã được thẩm định tại thời điểm giá vật tư tăng tháng 2 năm 2017, để tiếp tục thi công hoàn thành toàn bộ phần giá trị khối lượng còn lại chưa thực hiện của Hợp đồng số 17/2009/HĐ-XD ngày 29/12/2009, UBND huyện B cần phải tiếp tục đầu tư số tiền 5.916.551.792đồng (làm tròn 5.916.552.000đồng), số tiền cần phải đầu tư bổ sung là 2.199.271.281đồng (làm tròn 2.199.271.000đồng) theo dự toán, thiết kế được thẩm định.

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2014 nguyên đơn UBND huyện B yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009; Buộc Liên danh Nhà thầu Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới trả lại số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 3.729.854.000đồng, trong đó: Công ty H phải trả: 2.785.337.000đồng, Xí nghiệp A phải trả: 944.517.000 đồng; Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng và thực tế đã gây ra thiệt hại cho UBND huyện B là 3.834.918.000đồng, trong đó: Công ty H phải bồi thường số tiền là 2.863.796.000đồng, Xí nghiệp A phải bồi thường số tiền là 971.122.000đồng; Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới trả cho UBND huyện B khoản chi phí thuê Luật sư là 90.000.000đồng, trong đó: Công ty H phải trả số tiền 67.209.000 đồng, Xí nghiệp A phải trả số tiền: 22.791.000đồng; Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công phần khối lượng hoàn thành trên công trường cho Chủ đầu tư, phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000đồng; Thay đổi yêu cầu buộc các bị đơn hoàn trả tiền tạm ứng, bồi thường thiệt hại và thay đổi yêu cầu khoản chi phí thuê luật sư như sau: Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới trả lại số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 3.729.845.000 đồng, trong đó, Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N thành viên phải trả

2.787.161.413đồng, ông Phạm Mạnh H-Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp A phải trả 942.683.587đồng (*Chia theo phần nhận thầu trong Hợp đồng số 17*); Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 2.199.271.000đồng, trong đó, Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N thành viên phải trả 1.858.798.171đồng, ông Phạm Mạnh H - Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp A phải trả 340.472.894đồng (*phân chia trách nhiệm theo cam kết trong Hợp đồng số 17*); Buộc Công ty H và Xí nghiệp A phải trả lại cho UBND huyện B (*cho Nhà nước*) số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*) khoản tiền chi phí thuê luật sư, trong đó, Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N thành viên phải trả 70.523.000đồng, ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp A phải trả 19.477.000đồng (*Chia theo tỷ lệ giá trị khởi kiện*). Tổng cộng liên danh nhà thầu phải trả cho nguyên đơn số tiền là 6.019.116.000đồng (*Sáu tỷ không trăm mười chín triệu một trăm mười sáu ngàn đồng*). Trong đó, Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N thành viên phải trả cho nguyên đơn 4.716.482.584đồng (*Bốn tỷ bảy trăm mười sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn năm trăm tám mươi bốn đồng*), ông Phạm Mạnh H -Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp A phải trả cho nguyên đơn 1.302.633.481đồng (*Một tỷ ba trăm không hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi một đồng*).

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Phụ T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Kim N trình bày:*

Về việc ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Đồng thời ông cho rằng nguyên nhân Công ty H không thể thực hiện công trình đúng như cam kết trong hợp đồng là do Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng, sau khi bàn giao mặt bằng nhà thầu tiếp cận với mặt bằng thì phát hiện Hồ sơ thiết kế công trình không đúng với thực tế, dẫn đến Chủ đầu tư phải điều chỉnh lại Hồ sơ thiết kế, trong thời gian chờ điều chỉnh thiết kế Công ty H cũng phải tạm ngừng thi công, đồng thời, trong thời gian thi công gặp thời tiết không thuận lợi mưa nhiều, bên cạnh đó do giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến, công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính... Vì vậy, công trình không hoàn thành đúng như hợp đồng là do một phần lỗi của Công ty H và một phần lỗi của Chủ đầu tư; Xí nghiệp A không phải chịu trách nhiệm đối với các yêu cầu của nguyên đơn, vì Xí nghiệp A đã ủy quyền toàn bộ công việc cho Công ty H. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố

chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 thì Công ty H đồng ý chấm dứt hợp đồng, đối với yêu cầu trả tiền tạm ứng thì Công ty H đồng ý tự nguyện trả lại số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 3.729.854.000đồng, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vật giá, nhân công tăng lên thì đề nghị xem xét lỗi của Công ty H và lỗi của Chủ đầu tư, còn yêu cầu hoàn trả chi phí thuê luật sư phía Công ty H không đồng ý trả, việc thuê luật sư là của nguyên đơn, phía Công ty H không liên quan đến chi phí này.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Mạnh H-Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A trình bày:*

Về thời gian ký hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày, sau khi ký kết hợp đồng thì cũng trong ngày 29/12/2009 Xí nghiệp A đã làm văn bản ủy quyền toàn bộ cho Công ty H nhận các khoản tiền tạm ứng, ký các văn bản hồ sơ pháp lý, thi công toàn bộ phần giá trị khối lượng của Xí nghiệp A, giá trị khối lượng hoàn thành của gói thầu được chuyển vào tài khoản của Công ty H và Công ty H phải chịu trách nhiệm về chất lượng, mỹ thuật và đảm bảo tiến độ đúng theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư, văn bản ủy quyền này đã gửi cho Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện B (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B). Mặt khác khi vi phạm hợp đồng Chủ đầu tư cũng chỉ làm việc với Công ty H, không làm việc với Xí nghiệp A và cũng không gửi bất kỳ một thông báo nào, hay giấy mời Xí nghiệp A để làm việc về việc vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Công ty H phải có trách nhiệm toàn bộ đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Xí nghiệp A không liên quan gì trong vụ án này.

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Thành Minh T là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư Hà Vĩnh P và không có ý kiến gì thêm.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật. Đơn khởi kiện của nguyên đơn là hợp lệ, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số vi phạm: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, một vụ án nhưng ban hành 02 Quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đảm bảo theo quy định.*

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009; Buộc Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N là thành viên phải có trách nhiệm trả lại

số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 3.729.845.000đồng cho UBND huyện B; Về yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.199.271.000đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức độ lỗi của các bên để xác định mức bồi thường cho phù hợp, vì UBND huyện B (Chủ đầu tư) cũng có lỗi; Về yêu cầu trả tiền chi phí thuê Luật sư, ông P tham gia trong vụ án với tư cách là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 3 Luật trợ giúp pháp lý quy định “Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý...”, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nêu trên; Đối với yêu cầu cung cấp hồ sơ hoàn công của phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000đồng, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu này, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ; Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bên chịu án phí theo quy định tại Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Hợp đồng thi công xây dựng giữa Ban quản lý các dự án Đầu tư và xây dựng huyện B (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B) (viết tắt là BQL) và Liên danh Nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (viết tắt là Công ty H), Xí Nghiệp Xây dựng A (viết tắt là Xí nghiệp A) là hợp đồng dân sự. Ngày 29/12/2009, Chủ đầu tư Ủy ban nhân dân huyện B (viết tắt UBND huyện B) ủy quyền cho BQL đại diện ký Hợp đồng số 17/2009/HĐXD (Gói thầu số 8) với liên danh nhà thầu Công ty H và Xí nghiệp A, dự án đường B- B Tổng giá trị hợp đồng là 6.060.046.000đồng (Sáu tỷ không trăm sáu mươi triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), sau khi ký kết Hợp đồng, Xí nghiệp A đã làm văn bản ủy quyền cho Công ty H nhận các khoản tiền tạm ứng, ký các văn bản hồ sơ pháp lý, thi công toàn bộ phần giá trị khối lượng của Xí nghiệp A, giá trị khối lượng hoàn thành của gói thầu được chuyển vào tài khoản của Công ty H và Công ty H phải chịu trách nhiệm về chất lượng, kỹ thuật và đảm bảo tiến độ đúng theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư, trên cơ sở đó BQL đã chuyển tiền tạm ứng cho thành viên đứng đầu liên danh là Công ty H số tiền 4.242.032.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng), tương ứng với 70% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công đúng như hợp đồng đã ký kết, đến tháng 3/2010 Công ty H mới nhận mặt bằng triển khai thi công, quá trình thi công Hồ sơ thiết kế không đúng với thực tế, nên chủ đầu tư phải điều chỉnh lại Hồ sơ thiết kế, dẫn đến Công ty H cũng phải tạm ngừng thi công. Sau đó, đến ngày

06/12/2010 Chủ đầu tư đã ban hành Quyết định số 2664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán điều chỉnh bổ sung các gói thầu số 07, 08, 09 và 10 thuộc Dự án: Đường B – B, huyện B, trên cơ sở đó, Chủ đầu tư và Liên danh Nhà thầu đã ký phụ lục hợp đồng xây dựng về việc điều chỉnh bổ sung giá trị hợp đồng, hai bên A –B đã thống nhất điều chỉnh giảm 13.113.000đồng, giá trị hợp đồng còn lại 6.046.933.000đồng (*Sáu tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng*). Ngày 19/01/2011, BQL đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành (*Thi công trong năm 2010*) và lập hồ sơ thanh toán là 731.695.000đồng. Trong đó, thu hồi ứng theo quy định với số tiền 512.187.000đồng và thanh toán tiếp cho đơn vị là 219.508.000đồng.

Theo cam kết trong Hợp đồng ngày khởi công là ngày 31/12/2009, hoàn thành xong vào ngày 20/12/2010 nghiệm thu đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày 20/12/2010 Liên danh Nhà thầu chưa hoàn thành công trình, sau đó, Công ty H và Chủ đầu tư thống nhất gia hạn hợp đồng, hai bên thống nhất thời gian hoàn thành công trình là ngày 30/7/2011. Tuy nhiên, từ đó cho đến khi Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng, Công ty H chỉ thi công được phần khối lượng đảm bảo chất lượng có trị giá 545.339.000đồng, không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết dẫn đến tranh chấp giữa hai bên. Sau khi chấm dứt hợp đồng, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 về việc chỉ định nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn V thi công phần khối lượng còn lại của gói thầu số 08 Dự án Đường B – B, huyện B, ngày 04 tháng 11 năm 2014 BQL đại diện cho Chủ đầu tư ký Hợp đồng số 25/2014/HĐXD với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V để thi công phần khối lượng còn lại của Hợp đồng số 17/2009/HĐ-XD ngày 29/12/2009 có giá trị 1.597.957.000đồng, hiện nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn V đã thi công xong phần khối lượng này.

Mặc dù các bị đơn có trụ sở đặt tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng căn cứ theo điểm g khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, UBND huyện B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] - *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng số 17/2009/HĐXD*: Sau khi hai bên ký hợp đồng, chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công đúng như hợp đồng đã ký kết, Hồ sơ thiết kế không đúng với thực tế, chủ đầu tư phải điều chỉnh lại Hồ sơ thiết kế dẫn đến việc thi công không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký và công trình không hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng. Tuy nhiên, Chủ đầu tư đã nhiều lần gia hạn, tạo điều kiện để Công ty H tiếp tục thi công, nhưng Công ty H vẫn không

thực hiện đúng cam kết, đã vi phạm Điều 4, Điều 5, Điều 7 của Hợp đồng thi công xây dựng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009. Căn cứ vào khoản 10.2, 10.5 Điều 10 Hợp đồng số 17, Điều 283, 285, 286, khoản 1 Điều 291, Điều 412, 417, Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, điểm c, khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 76, khoản 1 Điều 80, khoản 1 Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003; Điều 5, Điều 13, Điều 14 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu tuyên bố công nhận việc chấm dứt thực hiện Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 được ký kết giữa BQL với Liên danh Nhà thầu Công ty H và Xí nghiệp A là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[3]- *Đối với yêu cầu trả lại số tiền tạm ứng 3.729.845.000đồng*: Xét thấy, việc Công ty H là thành viên đứng đầu liên danh nhận số tiền tạm ứng 4.242.032.000đồng, tương ứng với 70% giá trị hợp đồng là có thực tế, ngày 19/01/2011, BQL và Công ty H nghiệm thu phần khối lượng hoàn thành (*Thi công trong năm 2010*) và lập hồ sơ thanh toán số tiền là 731.695.000đồng. Trong đó, thu hồi tạm ứng theo quy định với số tiền 512.187.000đồng và thanh toán tiếp cho đơn vị số tiền là 219.508.000đồng. Như vậy số tiền tạm ứng mà nguyên đơn chưa thu hồi được là 3.729.845.000đồng (4.242.032.000đồng - 512.187.000đồng), trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Phạm Mạnh H khẳng định: Sau khi Công ty H nhận tiền tạm ứng 4.242.032.000đồng, Công ty H không chuyển bất cứ một khoản nào cho Xí nghiệp A, đồng thời, đại diện Công ty H cũng thừa nhận việc này và đồng ý tự nguyện hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng còn lại là 3.729.845.000đồng cho Chủ đầu tư. Căn cứ vào khoản 5.2.3 Điều 5 Hợp đồng số 17, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1, 4 Điều 42 Luật doanh nghiệp, khoản 6 Điều 17 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 280 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty H do ông Bùi Phú T làm giám đốc, bà Dương Thị Kim Nga là thành viên phải hoàn trả số tiền 3.729.845.000đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) cho nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B.

[4]- *Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.199.271.000đồng do vi phạm Hợp đồng*: Theo Điều 7 của Hợp đồng thi công xây dựng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 thì ngày khởi công là ngày 31/12/2009; Ngày hoàn thành là ngày 20/12/2010 và nghiệm thu đưa vào sử dụng; Tiến độ thi công xây dựng công trình: 355 ngày, tuy nhiên sau khi ký kết hợp đồng chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công đúng như hợp đồng đã ký kết, Hồ sơ thiết kế không đúng

với thực tế, nên chủ đầu tư phải điều chỉnh lại Hồ sơ thiết kế, vì vậy, Công ty H không thể triển khai thi công đúng như hợp đồng đã ký kết, dẫn đến công trình không hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng đã vi phạm Điều 9 Hợp đồng số 17, mục 2 phần V Biên bản thương thảo hợp đồng. Tại phiên tòa, BQL cung cấp biên bản bàn giao tim cọc mốc ngày 30 tháng 12 năm 2009, nhưng chỉ có đại diện Tư vấn thiết kế và đại diện Tư vấn giám sát ký tên, không có đại diện đơn vị thi công (cụ thể là Công ty H) và đại diện BQL ký tên, vì vậy, biên bản này không có giá trị pháp lý, đồng thời, BQL thừa nhận nguyên nhân dẫn đến hợp đồng không đạt đúng tiến độ một phần do BQL bàn giao mặt bằng chậm và vì thiết kế ban đầu không đúng với thực tế nên phải điều chỉnh lại thiết kế, bên cạnh đó, theo tiểu mục 3.2 mục 3 phần V Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 29/12/2009 ghi rõ “ Cơ quan đại diện chủ đầu tư sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát, và xác nhận khối lượng hoàn thành theo tiến độ do Nhà thầu cam kết. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện Nhà thầu vi phạm các nội dung đã cam kết thì cơ quan đại diện chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp chế tài theo nội dung Hợp đồng đã ký kết”, tại Thông báo kết luận ngày 29 /3/2011 UBND huyện B nêu rõ trách nhiệm của đơn vị Tư vấn giám sát và BQL như: Chưa báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Chủ đầu tư, chưa tự giác báo cáo tiến độ hàng tháng, phải thường xuyên cử cán bộ giám sát hiện trường, báo cáo định kỳ hàng tháng...Theo tiểu mục 1, mục V Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 29/12/2009, bên liên danh nhà thầu đã yêu cầu Ngân hàng T phát hành Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 224/2009/BL-VIBQNg ngày 29/12/2009, khoản tiền bảo lãnh là 304.000.000đồng, thời hạn bảo lãnh trong vòng 355 ngày kể từ ngày tiền tạm ứng vào tài khoản của Công ty H, nhưng khi hai bên thỏa thuận gia hạn hợp đồng, phía Chủ đầu tư không yêu cầu liên danh nhà thầu gia hạn bảo lãnh là không tuân thủ khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng số 17/2009/HĐXD, bản thân Chủ đầu tư chưa thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết, vì vậy, chủ đầu tư cũng có một phần lỗi trong việc hợp đồng không hoàn thành dẫn đến thiệt hại như hiện nay.

Tuy nhiên, sau khi nhà thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư đã nhiều lần gia hạn cho đơn vị thi công là Công ty H, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tạo điều kiện để Công ty H thi công hoàn thành hợp đồng, song Công ty H vẫn bỏ dở công trình, không thực hiện theo hợp đồng và các cam kết, làm ảnh hưởng lớn đến việc đi lại của nhân dân trong vùng, vì vậy, Công ty H có một phần lỗi trong việc hợp đồng không hoàn thành và bị thiệt hại như hiện nay. Công ty H đã vi phạm các cam kết tại điểm b khoản 3.7 Điều 3, khoản 16.1 Điều 16 Hợp đồng số 17. Hiện nay giá cả vật tư, nhân công Nhà

nước đã thay đổi, việc thi công công trình phải lập dự toán và thẩm định lại theo khung giá mới. Theo dự toán do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Q lập ngày 25/3/2017 và đã được Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình T thẩm tra ngày 27/3/2017, căn cứ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện B về việc phê duyệt Hồ sơ dự toán (phần khối lượng chưa thi công của gói thầu số 08) thuộc dự án: Đường B – B, huyện B, hiện nay muốn thi công phần khối lượng này Chủ đầu tư phải bỏ ra số tiền là 5.916.551.792đồng (làm tròn 5.916.552.000đồng). Phần vốn đầu tư cho toàn bộ công trình theo gói thầu số 8 tại Hợp đồng số 17/2009/GĐXD ngày 29/12/2009 là 6.046.933.000đồng, phần khối lượng của Công ty H đã thi công đạt chất lượng theo biên bản kiểm tra hiện trường ngày 06 tháng 9 năm 2016 đã xác định là 1.277.034.000đồng, trong đó, phần 731.695.000đồng đã được chủ đầu tư thanh toán, phần 545.339.000đồng Công ty H chưa cung cấp hồ sơ quản lý chất lượng và hồ sơ nghiệm thu hoàn thành theo cam kết tại điểm 5.3.2 Điều 5 Hợp đồng số 17, theo Thông tư 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng, nên về mặt pháp lý Chủ đầu tư không có cơ sở thanh toán phần này để khấu trừ vào tiền tạm ứng, đại diện Công ty H cũng đã thừa nhận lỗi của Công ty H nên đã chấp nhận, tại biên bản thỏa thuận ngày 03/4/2017 các bên đương sự đều thống nhất với hồ sơ dự toán do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Q lập ngày 25/3/2017, các bên đương sự đã thống nhất giá trị phần khối lượng hoàn thành là 731.695.000đồng, giá trị phần khối lượng chưa hoàn thành là 3.717.280.719đồng(6.046.933.000đ - 731.695.000đ Công ty H thi công - 1.597.957.000đ Công ty Trách nhiệm hữu hạn V thi công) và giá trị thiệt hại hợp đồng là 2.199.271.000đồng(5.916.552.000đ–3.717.280.719đ) khoản tiền 2.199.271.000đ là khoản tiền phải đầu tư bổ sung để thi công hoàn thành đoạn đường chưa được thi công của gói thầu số 8 Dự án đường B - B, huyện B, khoản tiền này là khoản tiền nguyên đơn bị thiệt hại do nhà thầu vi phạm Hợp đồng.

Đối với Xí nghiệp A, ngày 29/12/2009 ký hợp đồng thì cũng trong ngày 29/12/2009 đã ủy quyền toàn bộ cho Công ty H nhận các khoản tiền tạm ứng, ký các văn bản hồ sơ pháp lý, thi công toàn bộ phần giá trị khối lượng của Xí nghiệp A, giá trị khối lượng hoàn thành của gói thầu được chuyển vào tài khoản của Công ty H và Công ty H phải chịu trách nhiệm về chất lượng, kỹ thuật và đảm bảo tiến độ đúng theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư. Giấy ủy quyền này được xem như sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh về việc Xí nghiệp A không phải thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đã quy định trong hợp đồng, thỏa thuận liên danh và Giấy ủy quyền này đã được Chủ đầu tư chấp thuận thể hiện qua việc ký kết hợp đồng không phân công hạng mục

công việc cụ thể cho Xí nghiệp A mà chấp nhận cho Xí nghiệp A và Công ty H thi công theo hạng mục công việc trong thỏa thuận liên danh, các biên bản trong quá trình thi công thể hiện chỉ có Công ty H thi công toàn bộ gói thầu. Khi Nhà thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư chỉ tiến hành làm việc với Công ty H và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty H ngày 27/10/2011. Không có bất kỳ văn bản làm việc nào đối với Xí nghiệp A về việc vi phạm hợp đồng.

Xét về mức độ lỗi của các bên thì Hội đồng xét xử xét thấy Chủ đầu tư và Công ty H có lỗi ngang nhau, nên nguyên đơn phải chịu 50% lỗi, Công ty H phải chịu 50% lỗi trong việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, Xí nghiệp A không có lỗi trong việc vi phạm hợp đồng, nên ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty H do ông Bùi Phụ T làm giám đốc, bà Dương Thị Kim N là thành viên phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn UBND huyện B số tiền là 1.099.635.000đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*). Ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A không phải chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng.

[5] *Về khoản tiền chi phí thuê luật sư 90.000.000đồng*: Tại Điều 8.13 Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 các bên cam kết: Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý). Tuy nhiên, Điều 8.13 Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 không diễn giải cụm từ “Chi phí pháp lý” và cũng không có điều khoản nào thỏa thuận về chi phí thuê luật sư, đồng thời ông Hà Vĩnh P tham gia trong vụ án với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn quy định tại điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự, không phải là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Ngày 18/3/2015 ông Hà Vĩnh P cung cấp Quyết định về việc chỉ định đơn vị trợ giúp pháp lý và hợp đồng về trợ giúp pháp lý, tuy nhiên theo Điều 3 Luật trợ giúp pháp lý quy định: “Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý...”, vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí thuê luật sư 90.000.000đồng của nguyên đơn là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu buộc Công ty H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N là thành viên, ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân

Xí Nghiệp Xây dựng A phải liên đới cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000 đồng, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2014 nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 07/4/2017 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn UBND huyện B xin rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn UBND huyện B về việc yêu cầu buộc Công ty H do ông Bùi Phú T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N thành viên, ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí Nghiệp Xây dựng A phải liên đới cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000đồng. Nguyên đơn UBND huyện B không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án buộc:

Công ty H do ông Bùi Phú T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N là thành viên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 112.829.000đ (*Một trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*).

Nguyên đơn UBND huyện B và ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 184, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 280, các khoản 1 Điều 281, Điều 283, Điều 285, Điều 286, khoản 1 Điều 302, khoản 1, 2 Điều 307, Điều 308, Điều 412, 417, Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1, 4 Điều 42, khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 4, điểm c, d khoản 1 Điều 73, điểm c, e, g khoản 1, khoản 2 Điều 75, khoản 2 Điều 76, Điều 81 và Điều 107 Luật xây dựng năm 2003; Điều 3 luật Trợ giúp pháp lý; Điều 10, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:

1. Tuyên bố công nhận việc chấm dứt thực hiện Hợp đồng số 17/2009/HĐXD ngày 29/12/2009 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư

xây dựng huyện B với Liên danh Nhà thầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và Xí nghiệp Xây dựng A.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N thành viên phải trả cho nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi số tiền tạm ứng 3.729.845.000 đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A phải liên đới hoàn trả tiền tạm ứng cho nguyên đơn.

3. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Bùi Phụ T làm giám đốc, bà Dương Thị Kim N là thành viên phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi số tiền là 1.099.635.000đ (*Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu ông Phạm Mạnh H – Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N là thành viên và ông Phạm Mạnh H- Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng An phải trả khoản tiền chi phí thuê luật sư 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) cho nguyên đơn.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc, bà Dương Thị Kim N thành viên và ông Phạm Mạnh H – Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí Nghiệp Xây dựng A phải liên đới cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công phần khối lượng hoàn thành tương ứng với giá trị 1.052.563.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng*).

6. Về Án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Bùi Phụ T làm Giám đốc và bà Dương Thị Kim N là thành viên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 112.829.000đ (*Một trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*).

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và ông Phạm Mạnh H – Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây dựng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi Hành Án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/6/2017.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- THADS huyện Ba Tơ;
- Các đương sự;
- Người đại diện của các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Diệu